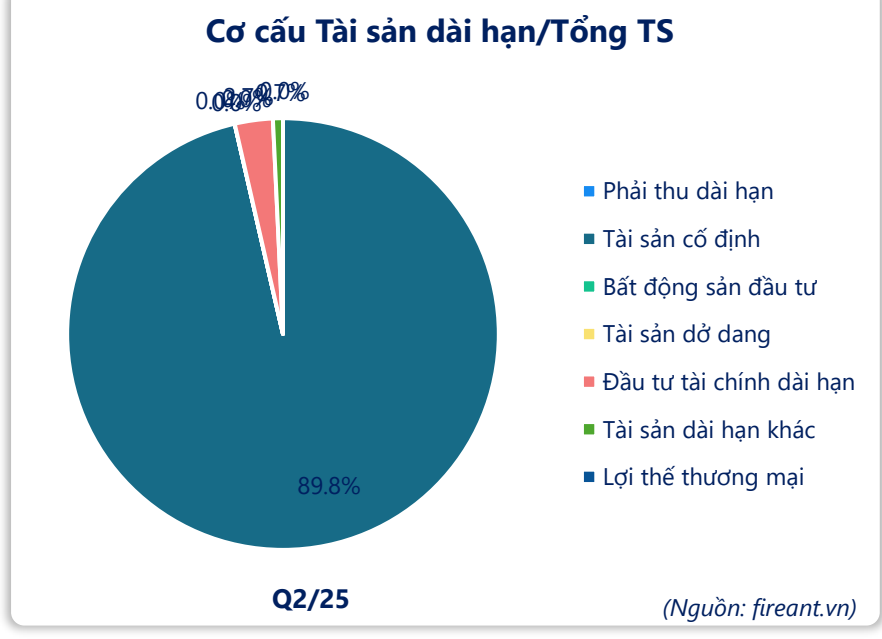
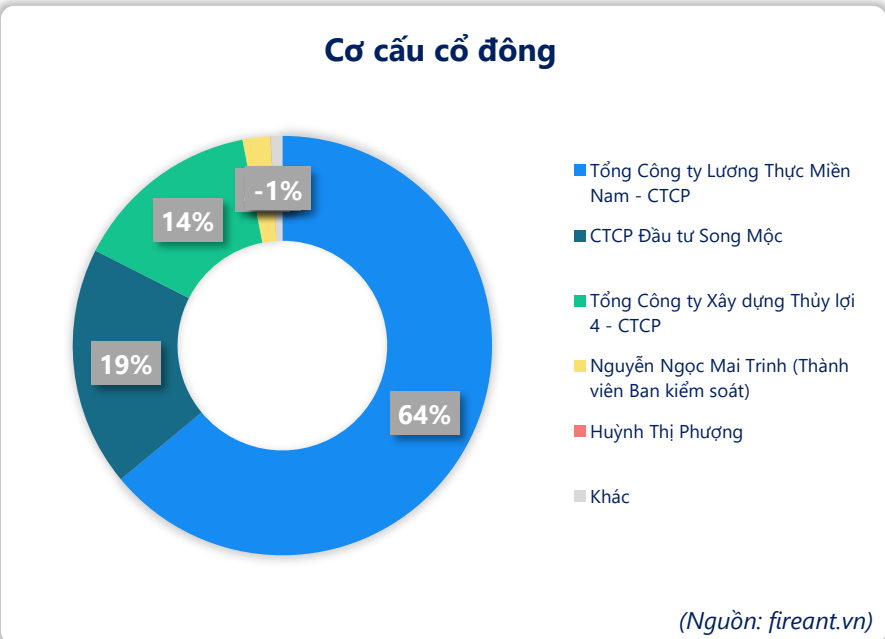
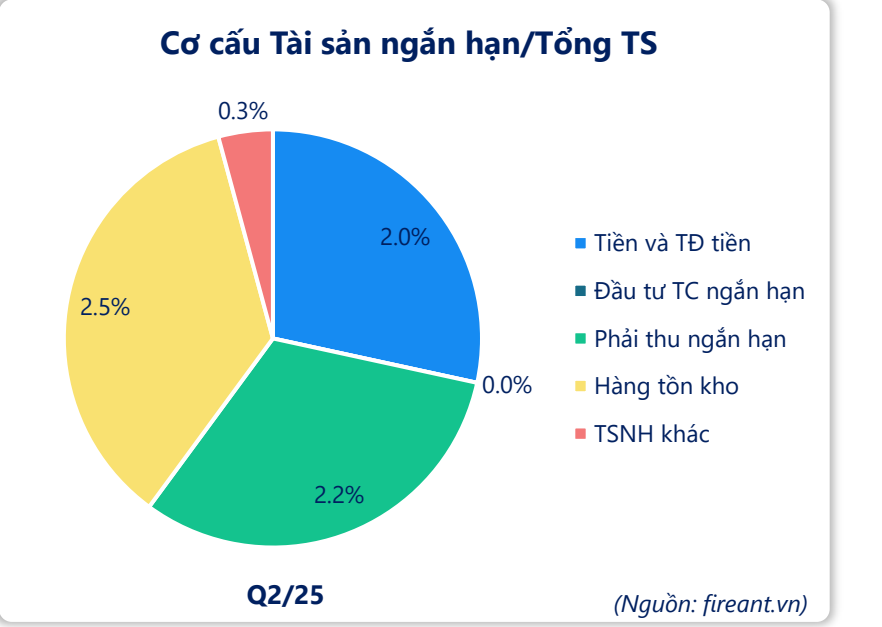
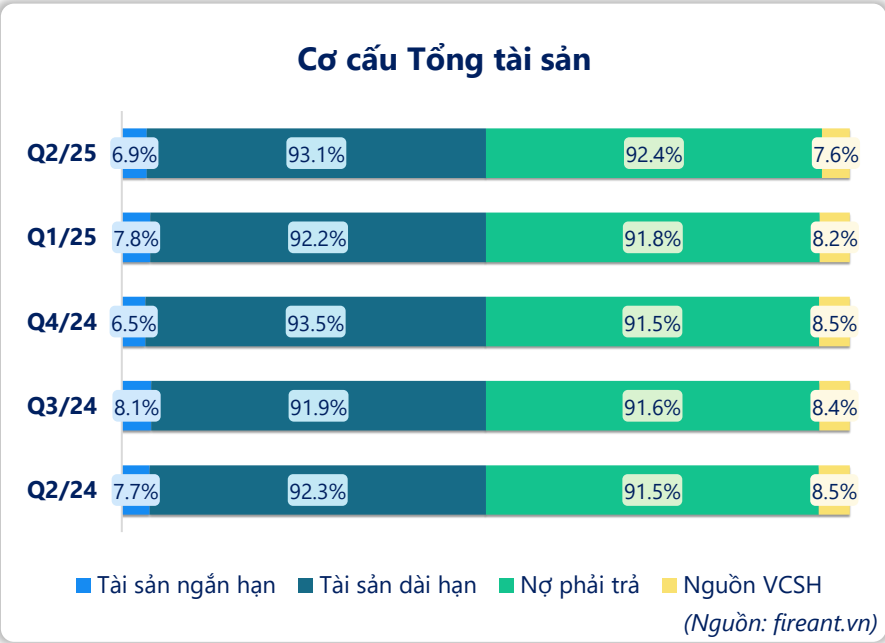
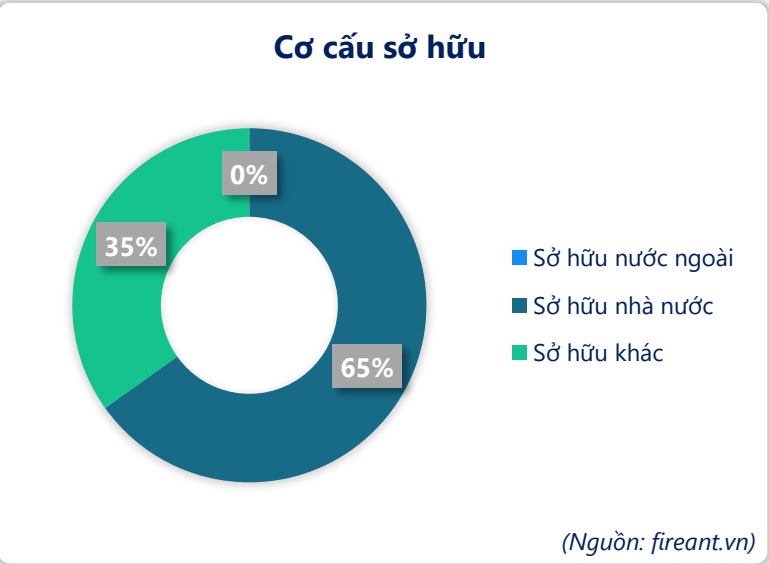
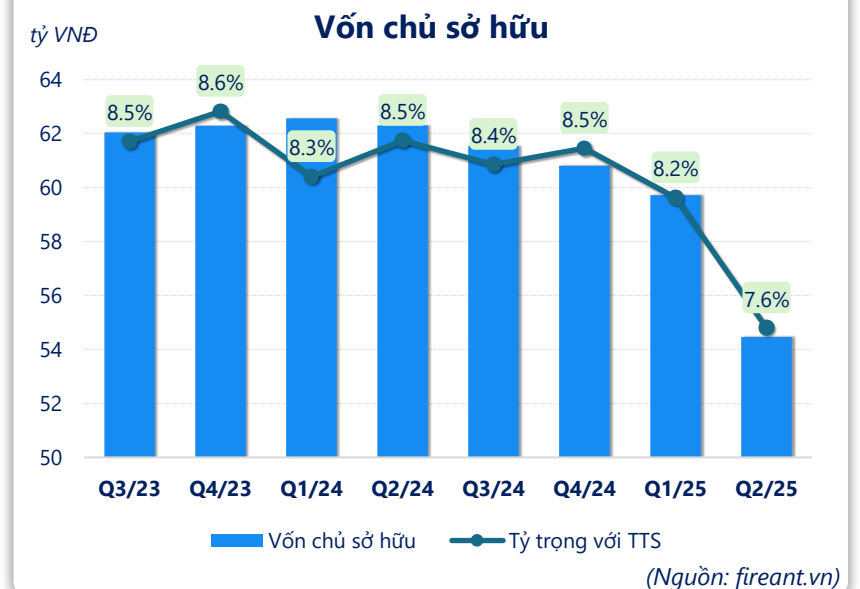
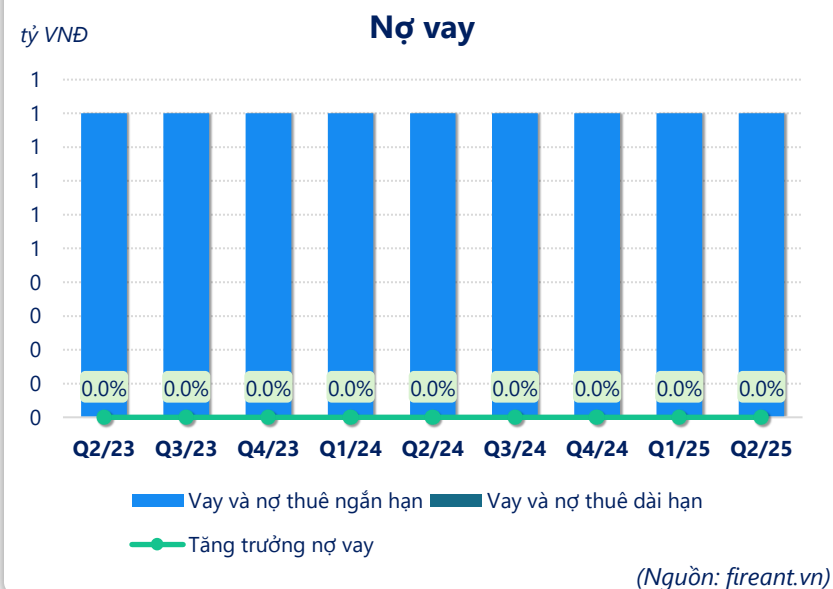
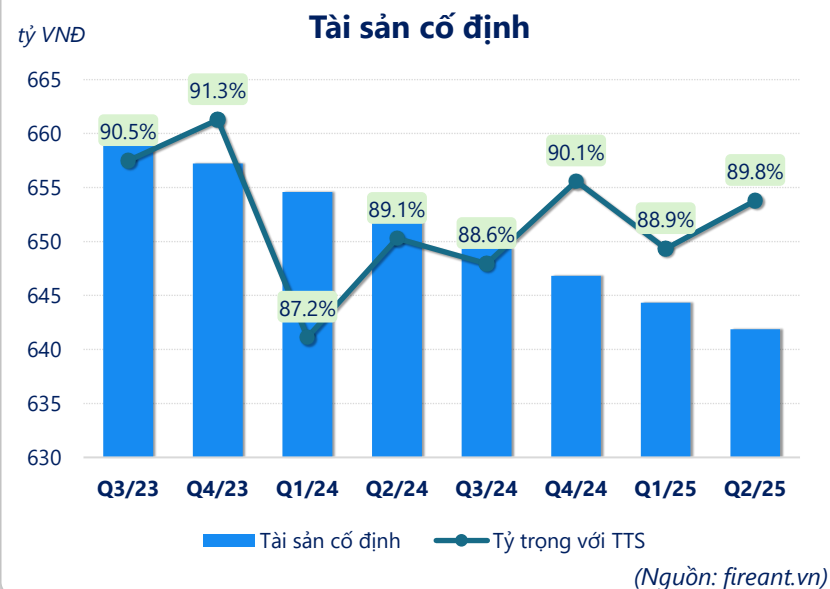
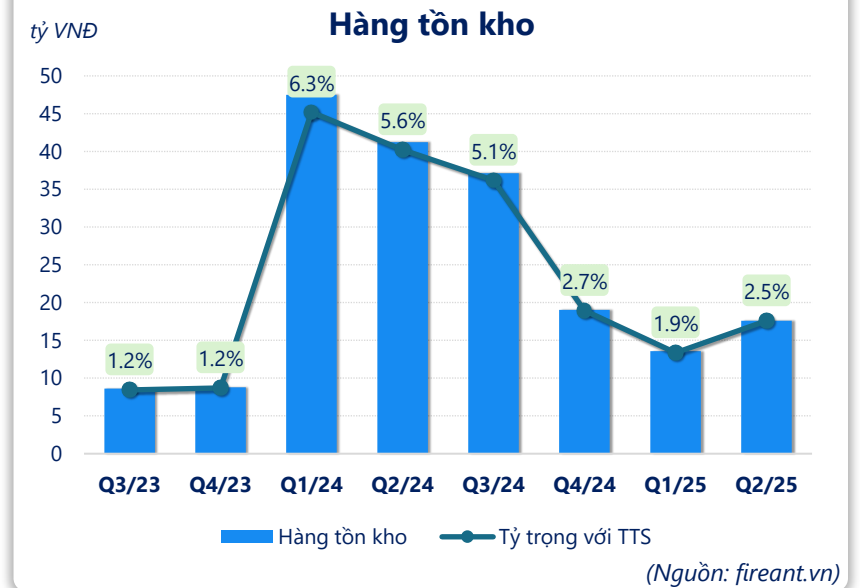
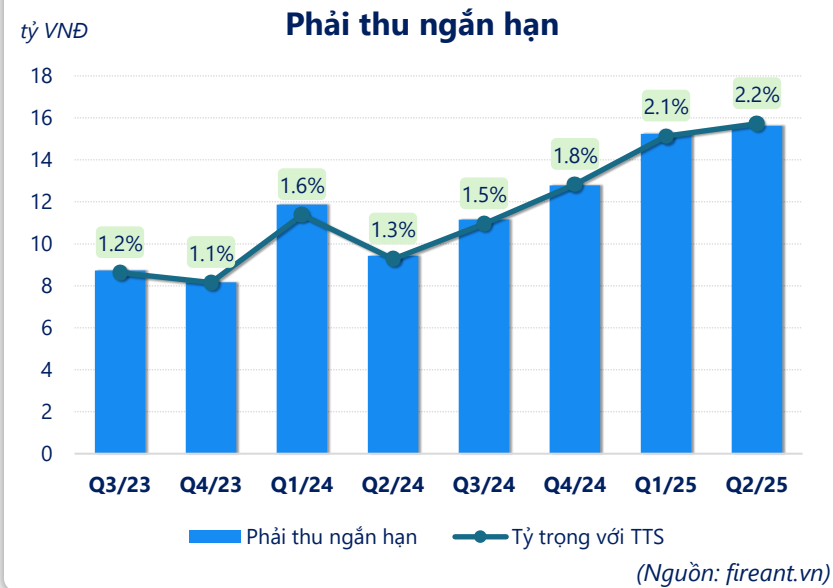
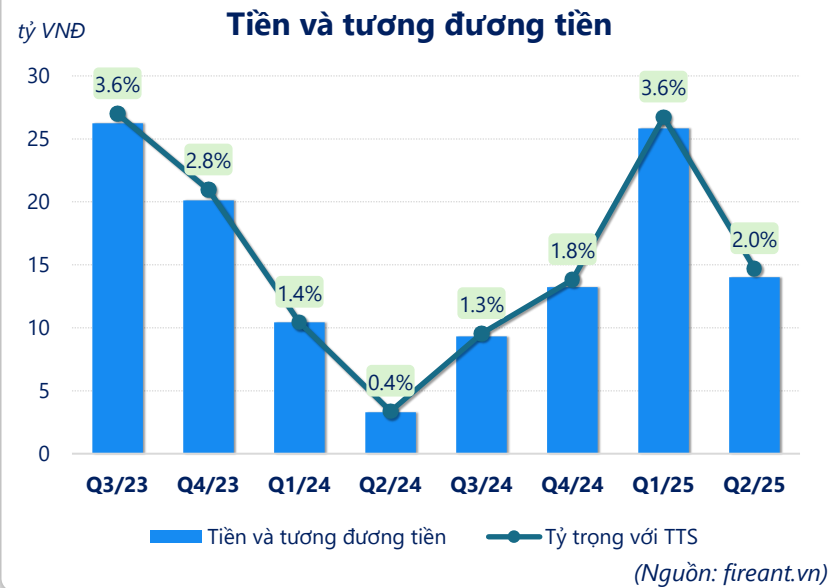
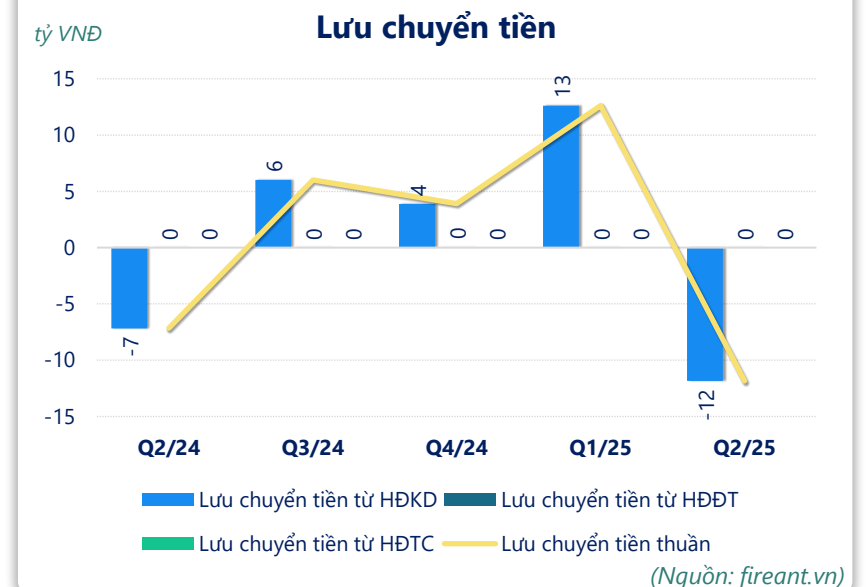
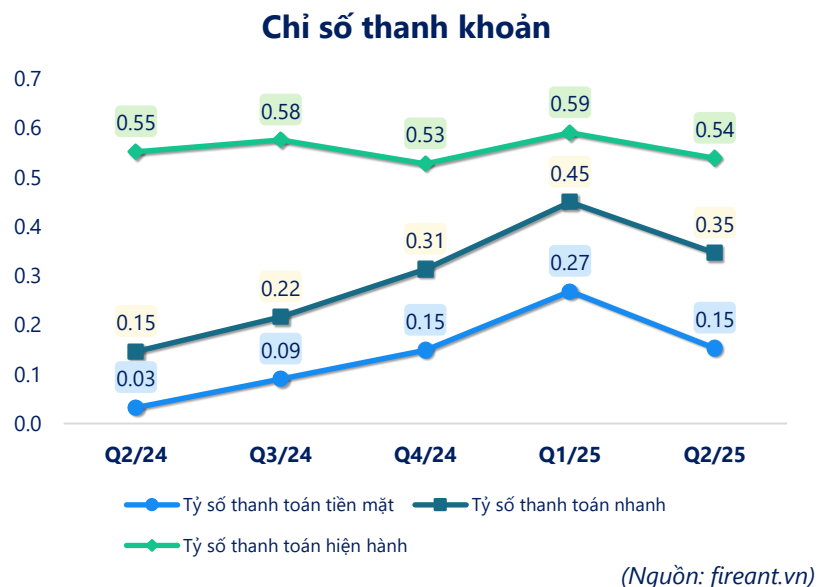
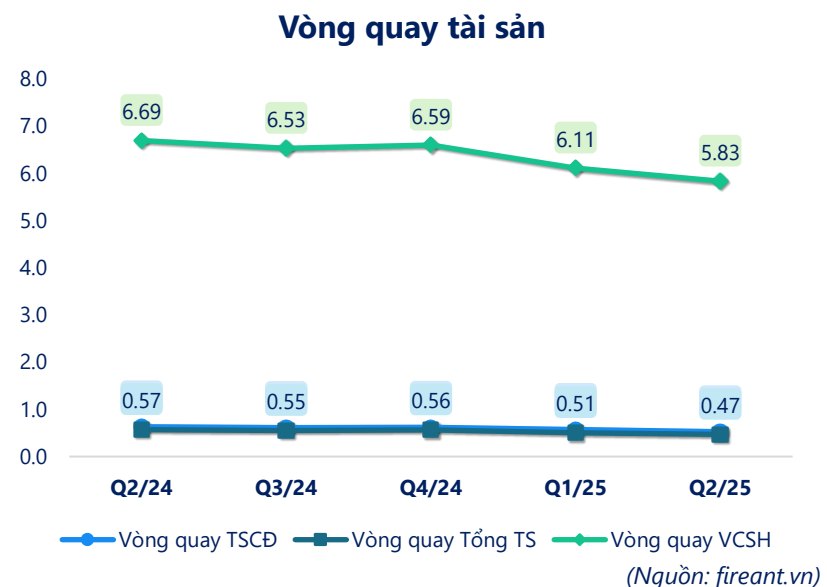
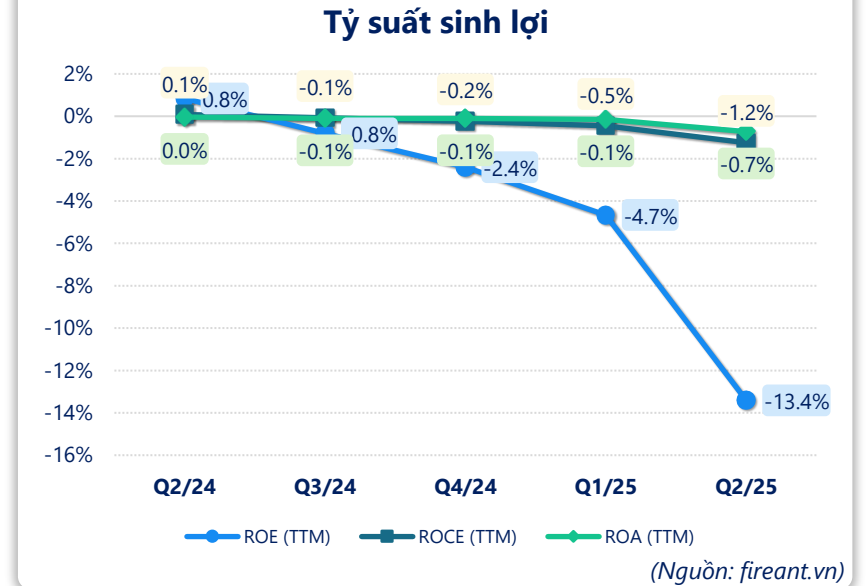
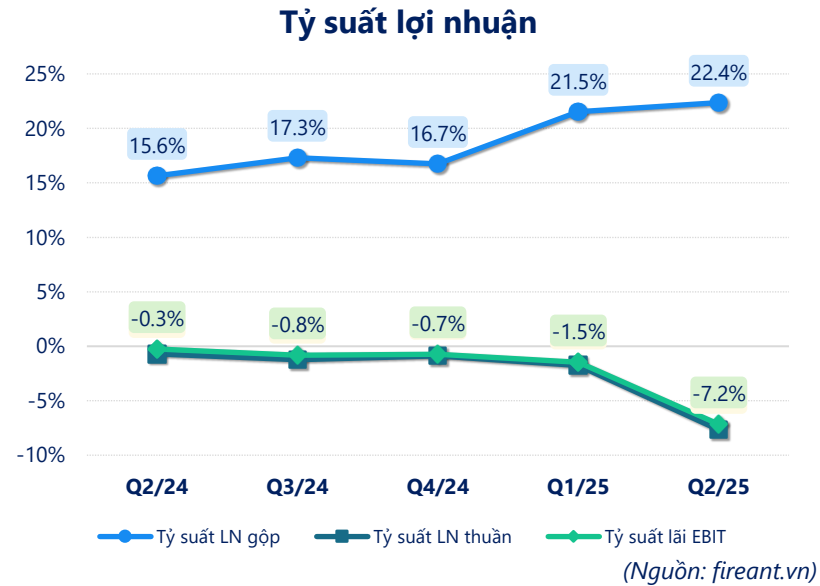
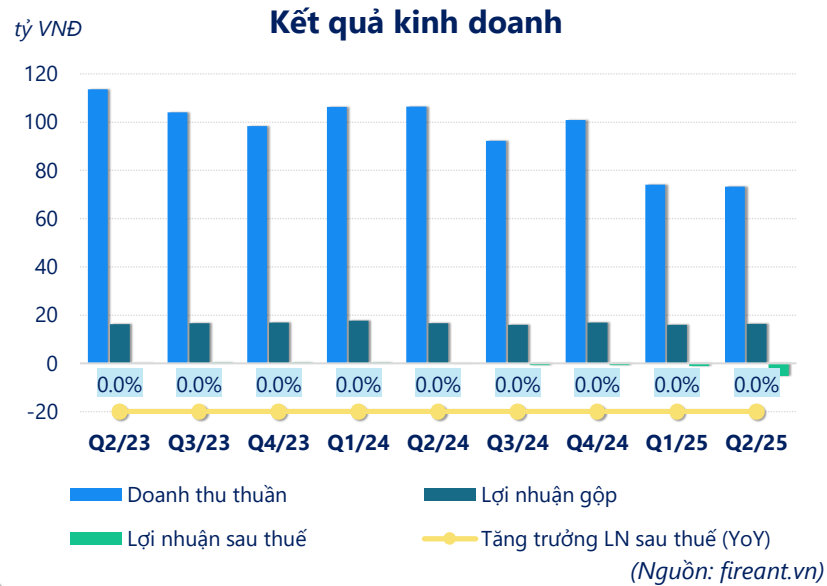


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,700
SL cổ phiếu LH		29,450,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		137,945
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		239
P/E		-30.5
EPS		-266

	YTD	1T	3T	6T
FCS	9.5%	3.8%	26.6%	9.5%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	715	718	-0.4%
Tài sản ngắn hạn	49.3	46.9	5.1%
Tiền và tương đương tiền	14.0	13.2	5.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	15.6	12.8	22.1%
Hàng tồn kho	17.6	19.0	-7.6%
Tài sản ngắn hạn khác	2.07	1.85	12.1%
Tài sản dài hạn	666	671	-0.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	642	647	-0.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.01	0.01	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	19.0	19.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	4.97	5.05	-1.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	661	657	0.6%
Nợ ngắn hạn	91.5	88.9	2.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.90	0.90	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	27.7	26.4	4.6%
Nợ dài hạn	569	568	0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	54.5	60.8	-10.4%
Vốn chủ sở hữu	54.5	60.8	-10.4%
Vốn điều lệ	255	255	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	106	92.2	101	74.0	73.3
Giá vốn hàng bán	89.7	76.2	84.0	58.1	56.9
Lợi nhuận gộp	16.6	16.0	16.9	15.9	16.4
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.01	0.01
Chi phí TC	-0.26	-0.11	0.00	0	0.00
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.85	1.82	1.86	1.65	1.80
Chi phí QLDN	15.8	15.4	15.9	15.6	20.2
LN thuần từ HĐKD	-0.75	-1.13	-0.88	-1.30	-5.62
Lợi nhuận khác	0.48	0.37	0.15	0.21	0.37
LN trước thuế	-0.27	-0.76	-0.73	-1.09	-5.25
Lợi nhuận sau thuế	-0.27	-0.76	-0.73	-1.09	-5.25
LNST của CĐ cty mẹ	-0.27	-0.76	-0.73	-1.09	-5.25

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-7.17	6.02	3.87	12.6	-11.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.02	0.00	0.03	0.01	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	10.4	3.29	9.31	13.2	25.8
Lưu chuyển tiền thuần	-7.15	6.02	3.90	12.6	-11.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.29	9.31	13.2	25.8	14.0

(Nguồn: fireant.vn)